

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019, MỞ TẠI HUYỆN KRÔNG BÔNG**

Thi phần III.2: Những vấn đề cơ bản về QLHC Nhà nước

Ngày thi: 25 tháng 9 năm 2019;

Thời gian làm bài: 15 phút

Địa điểm thi : Trung tâm BDCT huyện Krông Bông

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Trần Quốc Anh	09/11/1981	02		69	7,25	Đạt 1 học năm
02	Y Sinh BDap	25/01/1979	01		6	7,25	Đạt 2 học năm
03	Trần Đình Bình	16/02/1972			19	7,25	Đạt 1 học năm
04	Nguyễn Tấn Càn	20/6/1975	03		19	7,5	Đạt 1 năm
05	Lê Phước Cảnh	06/6/1981	03		22	8,0	Đạt 1 năm
06	Trần Thị Kim Cúc	27/9/1988	02		50	7,75	Đạt 1 học năm
07	Nguyễn Văn Đạo	16/3/1983	03		20	7,5	Đạt 1 năm
08	H' Nách Dĩnh	22/5/1987	03		33	7,75	Đạt 1 học năm
09	Phạm Văn Đồng	25/8/1971	09		21	7,5	Đạt 1 năm
10	Trần Thị Mỹ Dung	26/9/1972	2		9	7,25	Đạt 1 học năm
11	H' Hậu Êban	10/9/1985	02		56	7,75	Đạt 1 học năm
12	Đỗ Trọng Giáp	30/10/1981	02		59	7,25	Đạt 1 học năm
13	Phạm Văn Giáp	28/01/1973	03		37	7,5	Đạt 1 năm
14	Nguyễn Thị Hà	02/4/1972	03		11	7,5	Đạt 1 năm
15	Lê Văn Hải	26/11/1985	02		36	7,25	Đạt 1 học năm
16	Hồ Văn Hạnh	18/01/1981	02		5	7,5	Đạt 1 năm

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
17	Lê Thị Hạnh	22/4/1984	02		34	80	Tạm
18	Trần Thị Hạnh	10/02/1980	03		38	80	Tạm
19	Trần Đại	10/4/1979	02		29	75	Bảy, năm
20	Ngô Văn Hoa	21/9/1973	02		1	75	Bảy, năm
21	Phan Thị Kim Hòa	29/12/1972	02		2	75	Bảy, năm
22	Hồ Thị Hoàn	02/12/1978	02		60	75	Bảy, bảy năm
23	Hồ Đức Hoàng	04/10/1969	02		27	75	Bảy, hai năm
24	Nguyễn Thị Mỹ Hội	04/4/1975	02		17	70	Bảy
25	Lê Ngọc Hùng	02/3/1968	02		8	75	Bảy, hai năm
26	Bùi Văn Hưng	02/12/1977	03		30	75	Bảy, bảy năm
27	Nguyễn Thị Ngọc Hương	16/10/1983	03		15	75	Bảy, hai năm
28	Trần Thị Thanh Hương	15/8/1984	02		25	75	Bảy, năm
29	Trần Văn Huy	29/4/1979	02		58	80	Tạm
30	Lưu Văn Khánh	12/10/1981	02		18	70	Bảy
31	Huỳnh Ngọc Kỳ	01/11/1980	03		52	75	Bảy, bảy năm
32	Nguyễn Công Lam	09/9/1977	03		54	75	Bảy, bảy năm
33	Nguyễn Thị Tuyết Lan	20/02/1979	02		12	75	Bảy, năm
34	Phạm Thái Linh	09/6/1978	02		47	75	Bảy, năm
35	Đoàn Văn Loát	12/6/1966	02		64	75	Bảy, hai năm
36	Lê Trương Long	01/7/1973	02		66	70	Bảy
37	Đinh Thị Tuyết Mai	28/10/1988	02		51	70	Bảy
38	Đoàn Thị Mên	29/12/1978	02		28	75	Bảy, hai năm
39	Lộc Xuân Nghĩa	11/4/1975	02		14	75	Bảy, hai năm

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
40	Đoàn Hữu Nhị	01/01/1968	02	<i>Đoàn Hữu Nhị</i>	62	725	Bảy, hai năm
41	Nguyễn Thanh Phong	04/5/1967	02	<i>Nguyễn Thanh Phong</i>	63	710	Bảy
42	Phan Minh Phước	01/01/1981	02	<i>Phan Minh Phước</i>	67	715	Bảy, bảy năm
43	Nguyễn Thị Phương	22/01/1984	04	<i>Nguyễn Thị Phương</i>	26	85	Tám, năm
44	Mã Thị Qua	15/10/1977	03	<i>Mã Thị Qua</i>	23	80	Tám
45	Tạ Quang Quý	02/10/1969	03	<i>Tạ Quang Quý</i>	18	710	Bảy
46	Hoàng Ngọc Quỳnh	23/8/1987	03	<i>Hoàng Ngọc Quỳnh</i>	10	80	Tám
47	Nguyễn Minh Sơn	20/8/1967	01	<i>Nguyễn Minh Sơn</i>	16	55	Năm, năm
48	Nguyễn Thị Tâm	12/07/1986	03	<i>Nguyễn Thị Tâm</i>	55	825	Tám, hai năm
49	Huỳnh Văn Tào	03/7/1978	02	<i>Huỳnh Văn Tào</i>	26	715	Bảy, bảy năm
50	Lương Xuân Tạo	03/02/1985	02	<i>Lương Xuân Tạo</i>	7	725	Bảy, hai năm
51	Lương Hữu Thạnh	20/9/1975	03	<i>Lương Hữu Thạnh</i>	11	80	Tám
52	Nguyễn Văn Thịnh	17/4/1974	03	<i>Nguyễn Văn Thịnh</i>	65	715	Bảy, bảy năm
53	Lương Thôi	01/02/1968	02	<i>Lương Thôi</i>	24	715	Bảy, năm
54	Trần Minh Thuận	25/10/1988	03	<i>Trần Minh Thuận</i>	22	80	Tám
55	Phạm Thị Lệ Thủy	26/9/1986	03	<i>Phạm Thị Lệ Thủy</i>	35	80	Tám
56	Nguyễn Hà Triện	10/8/1981	03	<i>Nguyễn Hà Triện</i>	21	715	Bảy, bảy năm
57	Lã Thành Trung	27/7/1977	02	<i>Lã Thành Trung</i>	32	710	Bảy
58	Nguyễn Thế Tuấn	07/6/1986	02	<i>Nguyễn Thế Tuấn</i>	57	715	Bảy, năm
59	Trần Thị Ánh Hồng Tuyết	20/8/1980	02	<i>Trần Thị Ánh Hồng Tuyết</i>	3	725	Bảy, hai năm
60	Trần Anh Toàn	10/02/1989	02	<i>Trần Anh Toàn</i>	70	80	Tám
61	Hà Huy Tùng	26/12/1985	03	<i>Hà Huy Tùng</i>	68	715	Bảy, năm
62	Hồ Thị Thu Vân	04/9/1977	03	<i>Hồ Thị Thu Vân</i>	13	80	Tám

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
63	Huỳnh Thị Vân	10/10/1977	03		31	7.5	4.5/5 năm
64	Trần Thị Vy	21/7/1987	03		20	7.5	4.5/5 năm
65	Dương Xuân Vỹ	16/01/1981	02		61	7.5	4.5/5 năm
66	Đỗ Thị Thúy Xuân	04/7/1988	3		71	7.5	4.5/5 năm
67	Nguyễn Minh Hải	16/9/1986	2		43	7.5	4.5/5 năm
68	Nguyễn Trọng Hà	16/9/1987	03		24	7.5	4.5/5 năm
69	Phan Văn Tuấn	15/3/1985	02		39	7.5	4.5/5 năm
70	Nguyễn Ngọc Thảo	20/10/1979	3		53	7.5	4.5/5 năm
71	Nguyễn Hữu Thắng	10/10/1984	02		45	7.5	4.5/5 năm

Tổng số 169 tờ/ 71 bài

GIÁM THỊ 1

Đoàn Thị Mai

Ngày 15 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Giảng

GIÁM THỊ 2

Nguyễn Thị Thảo

Ngày 15 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

Lê Duyet Kà



BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Nguyễn Hoài Thu